

CHÍNH PHỦ**CHÍNH PHỦ**

Số: 62/2006/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày 21 tháng 6 năm 2006***NGHỊ ĐỊNH****Về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải****CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

NGHỊ ĐỊNH:**Chương I****NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về hành vi vi phạm, hình thức và mức xử phạt, thẩm quyền và thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Mọi tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải

đều bị xử phạt theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính có liên quan.

Tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải tại Việt Nam cũng bị xử phạt theo quy định của Nghị định này; trường hợp Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế đó.

2. Việc xử phạt vi phạm hành chính đối với người chưa thành niên có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 7 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002 (sau đây gọi chung là Pháp lệnh).

Điều 3. Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải

1. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải là những hành vi vi phạm quy định của pháp luật về hàng hải do tổ chức, cá nhân thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính.

Vi phạm hành chính quy định trong Nghị định này bao gồm:

- a) Vi phạm trong hoạt động xây dựng và khai thác cảng biển;
- b) Vi phạm trong hoạt động hàng hải của tàu thuyền tại cảng biển;
- c) Vi phạm trong hoạt động kinh doanh vận tải biển và dịch vụ hàng hải;
- d) Vi phạm trong hoạt động tìm kiếm, cứu nạn hàng hải tại cảng biển;
- đ) Vi phạm trong hoạt động trục vớt tài sản chìm đắm tại cảng biển;
- e) Vi phạm trong hoạt động bảo đảm an toàn hàng hải tại cảng biển.

2. Trong trường hợp các hành vi vi phạm quy định tại các điểm b, d, đ và e khoản 1 Điều này xảy ra ở ngoài cảng biển thì sẽ bị xử phạt theo quy định tại Nghị định số 137/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính

1. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải được áp dụng theo quy định tại Điều 3 của Pháp lệnh.

2. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải do người có thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, 27, 28 và 29 của Nghị định này thực hiện.

3. Không xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm xảy ra trong trường hợp bất khả kháng hoặc trong trường hợp khẩn cấp để bảo đảm an toàn sinh mạng con người, bảo đảm an toàn, an ninh cho tàu thuyền, hàng hóa và công trình giao thông hoặc hành vi vi phạm hành chính khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình.

Điều 5. Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng

1. Tình tiết giảm nhẹ trong lĩnh vực hàng hải là những tình tiết quy định tại Điều 8 của Pháp lệnh.

2. Tình tiết tăng nặng trong lĩnh vực hàng hải là những tình tiết quy định tại Điều 9 của Pháp lệnh.

Điều 6. Thời hiệu xử phạt và thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải là một năm, kể từ ngày hành vi vi phạm hành chính được thực hiện.

Đối với hành vi vi phạm hành chính về xây dựng cảng biển và công trình hàng hải; môi trường; xuất cảnh, nhập cảnh tàu thuyền, thuyền viên và hành khách thì thời hiệu xử phạt là hai năm, kể từ ngày hành vi vi phạm hành chính được thực hiện.

Nếu quá thời hạn nói trên thì không xử phạt vi phạm hành chính nhưng vẫn áp dụng các biện pháp quy định tại khoản 4 Điều 7 của Nghị định này.

2. Đối với cá nhân bị khởi tố, truy tố hoặc đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự, nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án mà hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải thì bị xử phạt hành chính; trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày ra quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, người đã ra quyết định đình chỉ phải gửi quyết định cho người có thẩm quyền xử phạt; trong trường hợp này, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là ba tháng, kể từ ngày người có thẩm quyền xử phạt nhận được quyết định đình chỉ và hồ sơ vụ vi phạm.

3. Trong thời hạn được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này mà tổ chức, cá nhân lại thực hiện hành vi vi phạm mới trong lĩnh vực hàng hải hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì không áp dụng thời hiệu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này; thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải được

tính lại kể từ thời điểm thực hiện vi phạm hành chính mới hoặc thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

4. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải, nếu qua một năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt mà không tái phạm thì được coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải.

Điều 7. Các hình thức xử phạt

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

- a) Cảnh cáo;
- b) Phạt tiền.

2. Khi phạt tiền, mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi vi phạm đó. Trường hợp có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống, nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung tiền phạt. Trường hợp có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể được tăng lên nhưng không được vượt quá mức tối đa của khung tiền phạt.

3. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn đến sáu tháng; giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, giấy xác nhận trình độ chuyên môn đến 6 tháng hoặc không có thời hạn;

b) Tịch thu tang vật, tịch thu phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

4. Ngoài các hình thức xử phạt chính, xử phạt bổ sung quy định tại khoản 1, khoản 3 của Điều này, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải còn phải thực hiện một hoặc các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép;

b) Buộc thực hiện những biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do hành vi vi phạm hành chính gây ra;

- c) Buộc tiêu hủy vật phẩm gây hại sức khỏe con người, môi trường;
- d) Các biện pháp khắc phục hậu quả khác quy định trong Nghị định này.

Chương II

HÌNH THỨC VÀ MỨC XỬ PHẠT HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HÀNG HẢI

Mục 1

VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC CẢNG BIỂN

Điều 8. Vi phạm quy định về bảo đảm an toàn, an ninh, trật tự trong hoạt động khai thác cảng biển

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với mỗi hành vi ra, vào vùng đất cảng hoặc lên tàu không được phép hoặc không tuân theo chỉ dẫn của người có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Sử dụng người lao động không có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, giấy phép phù hợp;

b) Vi phạm quy định về báo hiệu ban ngày và đèn báo hiệu, đèn chiếu sáng ban đêm đối với giới hạn cầu cảng cho tàu cập cầu bảo đảm an toàn;

c) Hệ thống đệm chống va, bích buộc tàu của cầu cảng không đủ hoặc không bảo đảm an toàn cho tàu neo đậu;

d) Để các vật trên cầu cảng hoặc chiếm dụng không gian phía trên cầu cảng gây trở ngại cho việc cập, rời cầu an toàn của tàu hoặc gây trở ngại cho các hoạt động khác tại cảng;

đ) Không báo cáo kịp thời cho Cảng vụ hàng hải về các sự cố, tai nạn có liên quan đến an toàn, an ninh và ô nhiễm môi trường tại cảng;

e) Không có kế hoạch an ninh cảng biển hoặc giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng biển theo quy định;

- g) Không có cán bộ an ninh cảng biển theo quy định;
- h) Chuẩn bị cầu cảng cho tàu ra vào cảng không bảo đảm thời gian, khoảng cách theo quy định.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Cho tàu thuyền vào cảng hoặc neo đậu tại vùng nước cảng biển khi chưa được phép của Cảng vụ hàng hải;

b) Tự ý bốc dỡ hàng hóa khi chưa hoàn thành thủ tục vào cảng theo quy định.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Khai thác cảng không đúng với chức năng của cảng đã được công bố;

b) Cho tàu thuyền cập cầu cảng khi cầu cảng chưa được đưa vào khai thác sử dụng theo quy định.

5. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc phải bổ sung giấy tờ, trang thiết bị, lực lượng phù hợp theo quy định đối với các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này;

b) Không được cho phép tàu thuyền tiếp tục neo đậu tại cảng đối với các hành vi vi phạm theo quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 9. Vi phạm quy định về ký, mã hiệu, bốc dỡ, lưu kho hàng hóa

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Đánh dấu ký, mã hiệu hàng hóa không theo quy định;

b) Bốc dỡ và lưu kho các loại hàng hóa không theo quy định;

c) Xếp hàng hóa trên cầu cảng quá tải trọng cho phép.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp là các loại hàng hóa nguy hiểm.

3. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc phải bổ sung ký, mã hiệu và bốc dỡ, lưu kho hàng hóa theo quy định đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 10. Vi phạm quy định về phòng, chống cháy, nổ tại cảng biển

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không có bảng nội quy, biển báo hoặc chỉ dẫn cảnh báo cần thiết ở những nơi dễ cháy, nổ;

b) Sử dụng các trang thiết bị cứu hỏa chuyên dùng vào các mục đích khác.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Các trang thiết bị cứu hỏa không phù hợp hoặc không ở trạng thái sẵn sàng hoạt động theo quy định;

b) Không đặt đúng nơi quy định hoặc không bố trí các thiết bị phòng, chống cháy, nổ thích hợp với loại hàng hóa đang vận chuyển, bốc dỡ.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không có đủ hệ thống phòng, chống cháy, nổ theo quy định;

b) Không báo cáo kịp thời cho các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan về các sự cố, tai nạn cháy, nổ;

c) Sử dụng người lao động không được trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ hoặc không có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn về phòng, chống cháy, nổ theo quy định.

4. Vi phạm hành chính về phòng, chống cháy, nổ khác được áp dụng theo quy định của pháp luật về phòng, chống cháy, nổ.

5. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc phải bổ sung trang thiết bị, biển báo, bố trí lực lượng, phương tiện phù hợp theo quy định đối với các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 của Điều này.

Điều 11. Vi phạm quy định về bảo đảm an toàn hàng hải khi xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp cảng biển hoặc khi xây dựng, lắp đặt các công trình, thiết bị khác ảnh hưởng đến an toàn hàng hải tại vùng nước cảng biển

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

- a) Hệ thống thiết bị cứu sinh không phù hợp theo quy định;
- b) Không thông báo cho Cảng vụ hàng hải biết về việc xây dựng các công trình khác trong vùng nước cảng biển;
- c) Không có báo hiệu hoặc báo hiệu sai lệch khu vực đang thi công công trình;
- d) Tàu công trình, tàu phục vụ thi công công trình neo đậu ngoài vùng giới hạn cho phép gây cản trở giao thông hàng hải trên luồng cảng biển;
- đ) Đổ hoặc làm rơi các thiết bị, vật liệu thi công không có chất độc hại xuống vùng nước cảng biển.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

- a) Thi công công trình khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền;
- b) Thi công sai vị trí được phép.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Thi công công trình khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền và để xảy ra tai nạn;

b) Thi công sai vị trí được phép và để xảy ra tai nạn.

4. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Đình chỉ việc thi công công trình đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này.

b) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm quy định tại Điều này.

Điều 12. Vi phạm quy định về bảo vệ môi trường do hoạt động khai thác cảng biển

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi để hoặc đổ nước bẩn chảy ra làm mất vệ sinh cầu cảng, vùng nước cảng biển.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

- a) Xả rác và chất thải khác xuống cầu cảng hoặc vùng nước cảng biển;
- b) Xả nước có cặn bẩn xuống cầu cảng hoặc vùng nước cảng biển.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi xả nước hoặc chất thải có lẫn dầu xuống cầu cảng hoặc vùng nước cảng biển.

4. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi xả nước hoặc chất thải có lẫn dầu hoặc lẫn các loại hóa chất độc hại khác xuống cầu cảng hoặc vùng nước cảng biển.

5. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện những biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này gây ra.

Mục 2

VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG HÀNG HẢI CỦA TÀU THUYỀN TẠI CẢNG BIỂN

Điều 13. Vi phạm quy định về thủ tục xin đến cảng biển hoặc quá cảnh

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Tàu thuyền đến cảng hoặc quá cảnh không thực hiện chế độ thông báo việc tàu thuyền đến vị trí đón, trả hoa tiêu theo quy định;

b) Tàu thuyền đến cảng hoặc quá cảnh thông báo không đúng việc tàu thuyền đến vị trí đón, trả hoa tiêu theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tàu thuyền đến cảng hoặc quá cảnh không xin phép theo quy định.

3. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc hoàn thành thủ tục theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 14. Vi phạm quy định về thủ tục vào, rời cảng biển hoặc quá cảnh

1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi ghi không đủ hoặc sai một trong các thông số kỹ thuật của tàu trong Bản khai chung.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi thiếu giấy tờ hoặc một trong các giấy tờ phải xuất trình không hợp lệ theo quy định khi làm thủ tục ra, vào cảng.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không cung cấp hoặc cung cấp không đúng theo quy định giấy tờ về hàng hóa nguy hiểm vận chuyển trên tàu.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi cho thuyền viên, hành khách lên tàu hoặc rời tàu trước khi hoàn thành thủ tục về xuất nhập cảnh.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không có giấy phép rời cảng cuối cùng;

b) Cố tình rời cảng khi chưa được phép;

c) Tàu vào cảng không đúng tên cảng ghi trong giấy phép rời cảng cuối cùng mà không có lý do chính đáng;

d) Không có giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ tàu đối với tàu chở dầu mỏ, chế phẩm từ dầu mỏ hoặc các hàng hóa nguy hiểm khác bắt buộc phải có theo quy định.

6. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc phải bổ sung giấy tờ và hoàn thành thủ tục theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này.

Điều 15. Vi phạm quy định về an toàn, an ninh, trật tự, vệ sinh đối với tàu thuyền

1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Kéo còi hoặc dùng loa điện không theo quy định hoặc không phải là trường hợp cấp cứu, báo động;

b) Treo cờ lễ, cờ tang khi chưa được phép của Cảng vụ hàng hải.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không treo Quốc kỳ Việt Nam theo quy định.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Xả muội ống khói khi tàu đang neo đậu trong vùng nước cảng;

b) Gõ ri, sơn tàu khi chưa được phép của Cảng vụ hàng hải;

c) Để các trang thiết bị, tài sản của tàu hoặc của thuyền viên trên mặt cầu cảng không đúng nơi quy định;

d) Tiến hành các việc sửa chữa, thử máy, thử còi khi chưa được Cảng vụ hàng hải cho phép;

đ) Bơi lội hoặc làm mất trật tự công cộng trong cảng;

e) Không trực kênh VHF hoặc sử dụng kênh VHF sai quy định;

g) Tiến hành hun chuột, khử trùng không đúng nơi quy định;

h) Không có dụng cụ chắn chuột hoặc có nhưng không bảo đảm tiêu chuẩn;

i) Sử dụng xuống, phao bè của tàu khi chưa được phép của Cảng vụ hàng hải;

k) Không thực hiện chế độ trực ca theo quy định;

l) Không có sĩ quan an ninh tàu biển hoặc chỉ định sĩ quan an ninh tàu biển không theo quy định;

m) Bố trí người không phù hợp với thuyền bộ đã đăng ký trong sổ danh bạ thuyền viên;

n) Không có trang thiết bị hàng hải trên buồng lái theo quy định;

o) Không có đủ giấy chứng nhận về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường hoặc tài liệu của tàu theo quy định;

p) Tàu chạy quá tốc độ cho phép trong vùng nước cảng biển.

4. Phạt tiền từ trên 3.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Điều động tàu ra, vào cảng biển hoặc cập, rời cầu cảng mà thuyền trưởng không có mặt ở buồng lái;

b) Đóng đăng, đáy hoặc đặt các phương tiện đánh bắt, nuôi trồng thủy sản trong luồng cảng biển;

c) Đóng đăng, đáy hoặc đặt các phương tiện đánh bắt, nuôi trồng thủy sản trong vùng nước cảng biển khi chưa được phép của Cảng vụ hàng hải hoặc đặt không đúng vị trí hoặc thời gian đã ghi trong giấy phép;

d) Tiến hành các hoạt động mò, lặn hoặc các công việc ngầm dưới nước tại vùng nước cảng biển khi chưa được phép của Cảng vụ hàng hải hoặc tiến hành các công việc đó không có các báo hiệu cảnh báo theo quy định;

d) Tổ chức thi đấu thể thao hoặc các hoạt động tập trung nhiều phương tiện trong vùng nước cảng biển khi chưa được phép của Cảng vụ hàng hải;

e) Sử dụng tàu thuyền thể thao, du lịch hoạt động trong vùng nước cảng biển khi chưa được phép của Cảng vụ hàng hải;

g) Sử dụng phương tiện, thiết bị chuyên dùng để khảo sát, nạo vét luồng, thả báo hiệu hàng hải và tiến hành các hoạt động khác trong vùng nước cảng biển khi chưa được phép của Cảng vụ hàng hải;

h) Không sử dụng hoặc sử dụng không phù hợp các báo hiệu theo quy định;

i) Tàu chạy không đúng vùng được phép hoạt động theo quy định;

k) Không thông báo cho Cảng vụ hàng hải về sự cố, tai nạn hàng hải do tàu mình gây ra.

5. Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm hành chính theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 Điều này.

6. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do các hành vi vi phạm theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 Điều này;

b) Buộc phải bổ sung giấy tờ, trang thiết bị và thực hiện quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Điều 16. Vi phạm quy định về phòng, chống cháy, nổ đối với tàu thuyền

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi hút thuốc ở nơi cấm hút thuốc hoặc đối với các hành vi vô ý có thể gây cháy, nổ trên tàu thuyền.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Các trang thiết bị cứu hỏa không phù hợp hoặc không ở trạng thái sẵn sàng hoạt động theo quy định;

b) Không có các dấu hiệu cảnh báo hoặc chỉ dẫn cần thiết ở những nơi dễ cháy, dễ nổ;

c) Không có sơ đồ hệ thống cứu hỏa, bảng phân công cứu hỏa hoặc bảng chỉ dẫn thao tác ở những vị trí trên tàu theo quy định;

- d) Trang thiết bị cứu hỏa đặt không đúng vị trí quy định trên tàu thuyền;
- đ) Không thực hiện đúng quy trình bảo quản, bảo dưỡng trang thiết bị phòng chống cháy, nổ;
- e) Thuyền viên trên tàu sử dụng không thành thạo các trang thiết bị phòng chống cháy, nổ.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

- a) Không trang bị đầy đủ các trang thiết bị phòng, chống cháy, nổ theo quy định;
- b) Trang thiết bị phòng chống cháy, nổ không sử dụng được;
- c) Không có kế hoạch ứng cứu trong trường hợp khẩn cấp;
- d) Tiến hành các công việc có phát ra tia lửa ở trên boong, hầm hàng, buồng máy khi chưa được Cảng vụ hàng hải kiểm tra và cho phép;
- đ) Sử dụng phương tiện chuyên dùng chữa cháy vào mục đích khác.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện chậm trễ hoặc không thực hiện lệnh của Cảng vụ hàng hải về tham gia cứu hỏa trên tàu gặp nạn ở cầu cảng, vùng nước cảng biển.

5. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc phải bổ sung, lắp đặt dấu hiệu, kế hoạch, sơ đồ, trang thiết bị theo quy định đối với các hành vi vi phạm quy định tại các điểm b, c khoản 2, điểm a, b và khoản 3 Điều này.

Điều 17. Vi phạm quy định về phòng ngừa ô nhiễm môi trường do tàu thuyền gây ra

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

- a) Không ghi nhật ký về bơm nước la canh buồng máy hoặc nhật ký dầu, nhật ký thải rác theo quy định;
- b) Vứt, đổ rác hoặc các đồ vật khác từ tàu xuống nước hoặc cầu cảng.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

- a) Không có sổ nhật ký dầu hoặc nhật ký thải rác theo quy định;

059472
Tel: +84-8-3845 684 * www.ThuVienPhapLuat.com
LAWSONE

- b) Không có phương án xử lý sự cố dầu tràn theo quy định;
- c) Không bố trí người trực tại nơi tiếp nhận nhiên liệu trên tàu.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Bơm, xả các loại rác hoặc nước bẩn từ tàu xuống cầu cảng hoặc vùng nước cảng biển;

b) Tiến hành bơm chuyển nhiên liệu giữa tàu thuyền và phương tiện khác khi chưa được Cảng vụ hàng hải cho phép;

c) Không có đủ các trang thiết bị lọc nước lẫn dầu theo quy định hoặc có trang thiết bị nhưng không sử dụng được;

d) Để xảy ra rò rỉ nước thải có lẫn dầu từ trên tàu xuống vùng nước cảng biển hoặc cầu cảng.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về bơm, xả nước hoặc chất thải có lẫn dầu từ trên tàu xuống vùng nước cảng biển hoặc cầu cảng.

5. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về bơm, xả nước hoặc chất thải có lẫn hóa chất độc hại từ trên tàu xuống vùng nước cảng biển hoặc cầu cảng.

6. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc bổ sung giấy tờ, trang thiết bị theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Buộc thực hiện những biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này.

Điều 18. Vi phạm quy định về an toàn sinh mạng trên tàu thuyền

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không có bảng quy định nhiệm vụ cứu sinh, cứu đắm đặt tại các vị trí cần thiết hoặc bảng quy định đã bị hư hỏng;

b) Không có các bảng chỉ dẫn thao tác các thiết bị cứu sinh, cứu đắm hoặc các bảng chỉ dẫn đã bị hư hỏng;

c) Không có bảng phân công về cứu sinh, cứu đắm ở những nơi quy định trên tàu;

d) Bố trí thuyền viên không sử dụng thành thạo các trang thiết bị cứu sinh, cứu đắm.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Bố trí thuyền viên không có đủ giấy chứng nhận khả năng chuyên môn theo quy định;

b) Không bố trí đủ định biên an toàn tối thiểu hoặc bố trí quá định biên theo quy định;

c) Cầu thang không có lưới bảo hiểm hoặc đèn chiếu sáng theo quy định.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không có đủ trang thiết bị cứu sinh, cứu đắm hoặc trang thiết bị cứu sinh, cứu đắm không bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng hoặc không sẵn sàng hoạt động theo quy định;

b) Chở khách vượt quá số lượng theo quy định;

c) Chở hàng quá trọng tải cho phép hoặc không áp dụng các biện pháp bảo đảm an toàn theo quy định.

4. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc phải bổ sung trang thiết bị, giấy tờ, bố trí lực lượng, phương tiện theo quy định đối với các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Điều 19. Vi phạm quy định về neo đậu, cập cầu, cập mạn, lai dắt của tàu thuyền trong vùng nước cảng biển

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Neo đậu, cập cầu, cập mạn, di chuyển vị trí hoặc tiến hành các hoạt động tương tự khác trong phạm vi luồng cảng biển, vùng nước trước cầu cảng và các khu vực hạn chế khác khi chưa được phép của Cảng vụ hàng hải;

b) Không đủ đèn chiếu sáng, tín hiệu, báo hiệu theo quy định khi tàu làm hàng, neo đậu, cập cầu, cập mạn, di chuyển vị trí;

c) Không sử dụng tàu lai dắt theo quy định;

d) Không có đệm chống va theo quy định;

đ) Không thông báo kịp thời cho Cảng vụ hàng hải về sự sai lệch, hư hỏng của các báo hiệu hàng hải phát hiện được khi hoạt động tại vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

- a) Không chấp hành hoặc thực hiện sai lệnh điều động của Cảng vụ hàng hải;
- b) Buộc tàu thuyền vào các báo hiệu hàng hải;
- c) Đưa tàu thuyền vào làm hàng hoặc đón trả hành khách tại vị trí chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép đưa vào sử dụng.

3. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:

- a) Buộc phải bổ sung trang thiết bị, giấy tờ, bố trí lực lượng, phương tiện phù hợp theo quy định đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) Buộc tàu thuyền phải dời khỏi vị trí đối với các hành vi vi phạm theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều này.

Điều 20. Vi phạm quy định về đăng ký tàu biển và thuyền viên

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi đăng ký tàu không đúng thời hạn theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

- a) Khai thác tàu khi chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu biển;
- b) Không thực hiện đăng ký thay đổi chủ tàu theo quy định khi tàu đã được mua, bán, chuyển quyền sở hữu.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

- a) Sửa chữa, tẩy xóa, giả mạo các giấy chứng nhận về khả năng chuyên môn, giấy chứng nhận đăng ký tàu biển, hộ chiếu thuyền viên;
- b) Mua, bán, thuê, cho thuê, mượn, cho mượn các giấy chứng nhận về khả năng chuyên môn, giấy chứng nhận đăng ký tàu biển, hộ chiếu thuyền viên;
- c) Gian lận trong việc đăng ký tàu hoặc đăng ký thuyền viên, cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng có thời hạn từ ba tháng đến sáu tháng hoặc không có thời hạn giấy chứng nhận khả năng chuyên môn đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 Điều này.

5. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc phải bổ sung giấy tờ theo quy định đối với các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Điều 21. Vi phạm quy định về hoa tiêu hàng hải

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi tàu không treo cờ hiệu chữ G khi xin hoa tiêu hàng hải hoặc không treo cờ hiệu chữ H khi hoa tiêu hàng hải đang ở trên tàu.

2. Phạt tiền từ trên 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi hoa tiêu dẫn tàu phát hiện tai nạn, sự cố, những thay đổi của luồng và báo hiệu hàng hải mà không thông báo kịp thời cho Cảng vụ hàng hải.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thông báo hoặc thông báo không chính xác cho hoa tiêu hàng hải về tính năng và đặc điểm riêng của tàu;

b) Không bảo đảm điều kiện làm việc và sinh hoạt cho hoa tiêu hàng hải trong suốt thời gian hoa tiêu ở trên tàu;

c) Không có các biện pháp bảo đảm an toàn hoặc không bố trí loại thang phù hợp cho hoa tiêu lên xuống an toàn theo quy định;

d) Hoa tiêu hàng hải dẫn tàu vào neo đậu, cập cầu khi chưa có lệnh điều động hoặc sai vị trí chỉ định của Cảng vụ hàng hải;

đ) Bố trí hoa tiêu hàng hải dẫn tàu không phù hợp với chứng chỉ khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải hoặc giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải được cấp.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển tàu ra, vào cảng mà không sử dụng hoa tiêu hàng hải theo quy định.

5. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc phải bổ sung hoa tiêu hàng hải, dấu hiệu, trang thiết bị, thông tin và điều kiện làm việc, sinh hoạt theo quy định đối với các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 3 và 4 Điều này.

Mục 3

VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VẬN TẢI BIỂN, DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Điều 22. Vi phạm quy định về sử dụng giấy phép và điều kiện kinh doanh vận tải biển, dịch vụ hàng hải và vận tải đa phương thức

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

- a) Kinh doanh vận tải đa phương thức không có hoặc không đúng giấy phép;
- b) Kinh doanh vận tải biển, dịch vụ hàng hải không đủ điều kiện theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

- a) Sửa chữa, tẩy xóa, giả mạo giấy phép hoặc giấy xác nhận trình độ chuyên môn;
- b) Mua, bán, thuê, cho thuê, mượn, cho mượn giấy xác nhận trình độ chuyên môn.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

- a) Tịch thu tang vật sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;
- b) Tước quyền sử dụng có thời hạn từ ba tháng đến sáu tháng giấy xác nhận trình độ chuyên môn đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

4. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc phải bổ sung giấy phép, điều kiện kinh doanh theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Mục 4

VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG TÌM KIẾM, CỨU NẠN HÀNG HẢI TẠI CẢNG BIỂN

Điều 23. Vi phạm quy định về hoạt động tìm kiếm, cứu nạn

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi phát tín hiệu cấp cứu giả.

2. Phạt tiền từ trên 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

- a) Không thực hiện nghĩa vụ theo quy định về tìm kiếm, cứu nạn hàng hải;
- b) Thực hiện chậm trễ lệnh điều động của cơ quan có thẩm quyền mà không có lý do chính đáng.

3. Phạt tiền từ trên 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không chấp hành lệnh điều động của cơ quan có thẩm quyền mà không có lý do chính đáng.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Buộc phải thực hiện theo quy định của pháp luật đối với các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Mục 5

VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG TRỤC VỐT TÀI SẢN CHÌM ĐẮM TẠI CẢNG BIỂN

Điều 24. Vi phạm quy định về trục vớt tài sản chìm đắm tại cảng biển

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo, báo cáo hoặc thông báo, báo cáo không đúng theo quy định về tài sản chìm đắm tại cảng biển.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

- a) Không lắp đặt hoặc lắp đặt không kịp thời báo hiệu phù hợp với vị trí tài sản bị chìm đắm;

b) Thực hiện việc trục vớt hoặc kết thúc việc trục vớt tài sản bị chìm đắm không đúng thời gian quy định;

c) Trục vớt tài sản chìm đắm khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép;

d) Không bàn giao hoặc bàn giao không đầy đủ tài sản chìm đắm ngẫu nhiên trục vớt được theo quy định;

đ) Không thanh toán các chi phí liên quan đến việc trục vớt tài sản chìm đắm theo quy định.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính được quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

4. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc lắp đặt báo hiệu vị trí tài sản bị đắm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Buộc phải trục vớt, bàn giao, xử lý tài sản chìm đắm theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Mục 6

VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI TẠI CẢNG BIỂN

Điều 25. Vi phạm quy định về bảo đảm an toàn hàng hải

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thông báo kịp thời Thông báo hàng hải hoặc thông tin trong Thông báo hàng hải không đúng thực tế;

b) Làm che khuất, làm nhiễu hoặc làm giảm tác dụng của báo hiệu hàng hải.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Đặt báo hiệu hàng hải sai vị trí quy định;

b) Không đặt báo hiệu hàng hải chướng ngại vật gây nguy hiểm;

- c) Làm dịch chuyển hoặc hư hỏng báo hiệu hàng hải;
3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi đổ bùn đất không đúng nơi quy định.
4. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:
- a) Buộc phải thông báo kịp thời, chính xác nội dung của Thông báo hàng hải theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;
- b) Buộc lắp đặt báo hiệu theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này;
- c) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này gây ra.

Chương III

THẨM QUYỀN, THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Mục 1

THẨM QUYỀN XỬ PHẠT

Điều 26. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra viên hàng hải, Giám đốc Cảng vụ hàng hải, Chánh Thanh tra hàng hải, Chánh Thanh tra Bộ Giao thông vận tải

1. Thanh tra viên hàng hải đang thi hành công vụ có quyền:
- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 200.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm hành chính có giá trị đến 2.000.000 đồng;
- d) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu do hành vi vi phạm hành chính gây ra;
- đ) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do hành vi vi phạm hành chính gây ra;
- e) Buộc tiêu hủy vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, môi trường;
- g) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả khác quy định tại Nghị định này.

2. Giám đốc Cảng vụ hàng hải có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm hành chính;
- d) Tước quyền sử dụng có thời hạn đến sáu tháng hoặc không có thời hạn giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, giấy xác nhận trình độ chuyên môn, giấy phép do cơ quan quản lý nhà nước về giao thông vận tải cấp. Trong trường hợp giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền khác cấp thì ra quyết định đình chỉ hành vi vi phạm và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền tước quyền sử dụng có thời hạn hoặc thu hồi các loại giấy tờ nói trên;
- đ) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra;
- e) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do hành vi vi phạm hành chính gây ra;
- g) Buộc tiêu hủy vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người;
- h) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả khác quy định tại Nghị định này.

3. Chánh Thanh tra hàng hải có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng có thời hạn đến sáu tháng hoặc không có thời hạn giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, giấy xác nhận trình độ chuyên môn, giấy phép do cơ quan quản lý nhà nước về giao thông vận tải cấp. Trong trường hợp giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền khác cấp thì ra quyết định đình chỉ hành vi vi phạm và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền tước quyền sử dụng có thời hạn hoặc thu hồi các loại giấy tờ nói trên;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để thực hiện vi phạm hành chính;
- đ) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra;
- e) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do hành vi vi phạm hành chính gây ra;

- g) Buộc tiêu hủy vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người;
- h) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả khác quy định tại Nghị định này.

4. Chánh Thanh tra Bộ Giao thông vận tải có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng có thời hạn đến sáu tháng hoặc không có thời hạn giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, giấy xác nhận trình độ chuyên môn, giấy phép do cơ quan quản lý nhà nước về giao thông vận tải cấp. Trong trường hợp giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền khác cấp thì ra quyết định đình chỉ hành vi vi phạm và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền tước quyền sử dụng có thời hạn hoặc thu hồi các loại giấy tờ nói trên;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để thực hiện vi phạm hành chính;
- đ) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra;
- e) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do hành vi vi phạm hành chính gây ra;
- g) Buộc tiêu hủy vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người;
- h) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả khác quy định tại Nghị định này.

Điều 27. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 28 của Pháp lệnh.

Điều 28. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 29 của Pháp lệnh.

Điều 29. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

0594722
LawSoft* Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

1. Phạt cảnh cáo.
2. Phạt tiền đến 100.000.000 đồng.
3. Áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 7 của Nghị định này.

Trong trường hợp áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, giấy xác nhận trình độ chuyên môn, giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận, giấy phép đó ra quyết định thu hồi.

Điều 30. Nguyên tắc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

1. Các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải thuộc lĩnh vực ngành mình quản lý.
2. Trong trường hợp vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều cơ quan thì việc xử phạt do cơ quan thụ lý đầu tiên thực hiện.

Mục 2

THỦ TỤC XỬ PHẠT VÀ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT

Điều 31. Thủ tục áp dụng hình thức xử phạt vi phạm hành chính

1. Khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải, người có thẩm quyền xử phạt phải ra lệnh đình chỉ ngay hành vi vi phạm.
2. Trường hợp xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 100.000 đồng thì người có thẩm quyền xử phạt phải ra quyết định xử phạt tại chỗ theo thủ tục đơn giản quy định tại Điều 54 của Pháp lệnh.
3. Trường hợp xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền trên 100.000 đồng thì người có thẩm quyền xử phạt đang thi hành công vụ phải kịp thời lập biên bản về vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 55 của Pháp lệnh. Nếu người lập biên bản không đủ thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thì phải gửi kịp thời biên bản và các hồ sơ liên quan đến người có thẩm quyền để ra quyết định xử phạt.

Thời hạn ra quyết định xử phạt là mười ngày, kể từ ngày lập biên bản về vi

phạm hành chính; đối với vụ vi phạm hành chính có nhiều tình tiết phức tạp thì thời hạn ra quyết định xử phạt là ba mươi ngày. Trong trường hợp xét cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ thì người có thẩm quyền phải báo cáo thủ trưởng trực tiếp của mình bằng văn bản để xin gia hạn; việc gia hạn phải bằng văn bản, thời hạn gia hạn không được quá ba mươi ngày. Quá thời hạn nói trên, người có thẩm quyền xử phạt không được ra quyết định xử phạt; trong trường hợp không ra quyết định xử phạt thì vẫn có thể áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

4. Khi quyết định xử phạt một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính, thì người có thẩm quyền chỉ ra một quyết định xử phạt trong đó quyết định hình thức, mức xử phạt đối với từng hành vi vi phạm; nếu các hình thức xử phạt là phạt tiền thì cộng lại thành mức phạt chung.

5. Quyết định xử phạt có hiệu lực kể từ ngày ký, trừ trường hợp trong quyết định có quy định cụ thể ngày có hiệu lực. Quyết định có hiệu lực phải gửi cho tổ chức, cá nhân bị xử phạt và cơ quan thu tiền phạt trong thời hạn ba ngày kể từ ngày ra quyết định xử phạt.

6. Tổ chức, cá nhân bị phạt tiền phải nộp tiền phạt tại nơi mà quyết định xử phạt đã ghi và được nhận biên lai thu tiền phạt. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn chi tiết về thủ tục thu, nộp tiền phạt, quản lý và sử dụng tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải.

7. Mẫu biên bản xử phạt vi phạm hành chính và mẫu quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

Điều 32. Thủ tục tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, giấy xác nhận trình độ chuyên môn, giấy phép

Thủ tục tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, giấy xác nhận trình độ chuyên môn, giấy phép thực hiện theo quy định tại Điều 59 của Pháp lệnh.

Điều 33. Thủ tục tịch thu và xử lý tang vật, phương tiện sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm hành chính

1. Khi áp dụng hình thức tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để thực hiện

hành vi vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt phải lập biên bản và thực hiện theo quy định tại Điều 60 của Pháp lệnh.

2. Việc xử lý tang vật, phương tiện sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Điều 61 của Pháp lệnh.

Điều 34. Chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính phải chấp hành quyết định xử phạt trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt trừ trường hợp được ghi rõ trong quyết định xử phạt. Quá thời hạn trên, tổ chức, cá nhân bị xử phạt không tự giác chấp hành thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính có quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế thích hợp.

2. Việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 66 của Pháp lệnh.

3. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính hết hiệu lực thi hành sau một năm kể từ ngày ra quyết định; trong trường hợp tổ chức, cá nhân bị xử phạt cố tình trốn tránh, trì hoãn thì không áp dụng thời hiệu này.

Điều 35. Thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo Điều 67 của Pháp lệnh.

Chương IV

KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 36. Khiếu nại, tố cáo và khởi kiện hành chính

1. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền khiếu nại đối với quyết định xử phạt của người có thẩm quyền theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo. Trong thời gian chờ đợi kết quả giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân bị xử phạt vẫn phải thi hành quyết định xử phạt, trừ trường hợp buộc tháo dỡ công trình xây dựng.

Trong trường hợp tổ chức, cá nhân khiếu nại không đồng ý với quyết định giải

quyết khiếu nại thì có quyền khiếu nại lên cấp trên trực tiếp của người đã ra quyết định đó hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại tòa án có thẩm quyền.

2. Thủ tục khiếu nại, tố cáo, giải quyết khiếu nại, tố cáo và khởi kiện hành chính thực hiện theo quy định tại Điều 118 và Điều 119 của Pháp lệnh.

3. Cá nhân Việt Nam và nước ngoài có quyền tố cáo với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải của tổ chức, cá nhân theo các quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

4. Cá nhân Việt Nam và nước ngoài có quyền tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hành vi trái pháp luật của người có thẩm quyền về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải.

Việc giải quyết tố cáo thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 37. Xử lý vi phạm

1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải mà sách nhiễu, dung túng, bao che, không xử phạt hoặc xử phạt không kịp thời, không đúng mức, xử phạt vượt quá thẩm quyền quy định thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Người bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải nếu có hành vi cản trở, chống người thi hành công vụ trong việc kiểm tra, kiểm soát hoặc cố tình trì hoãn, trốn tránh thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 38. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và hủy bỏ Nghị định số 92/1999/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 1999 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải.

Điều 39. Tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phan Văn Khải